

## CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TRÊN VÙNG ĐẤT NAM BỘ THỜI NHÀ NGUYỄN - CƠ SỞ CHO SỰ HOẠCH ĐỊNH BIÊN GIỚI GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA THỜI THUỘC PHÁP

TRẦN THUẬN

*Đến cuối thế kỷ XVIII, bộ máy hành chính trên vùng đất Nam Bộ cơ bản đã được các chúa Nguyễn xây dựng hoàn chỉnh. Sau khi đánh bại Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi, các vua đầu triều Nguyễn tiếp tục thực thi nhiều biện pháp để khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ, định hình biên giới giữa nước ta và Chân Lạp, để rồi trên cơ sở đó, chính quyền thực dân Pháp đã cùng chính quyền Campuchia hoạch định biên giới chính thức giữa Việt Nam và Campuchia.*

Biên giới Việt Nam - Campuchia là biên giới phân định chủ quyền quốc gia trên đất liền và trên biển, giữa hai quốc gia Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia, dài khoảng 1.270km. Trong đó, phần biên giới trên bộ dài 1.137 km, từ điểm cực bắc là cột mốc ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia, đến điểm cực nam là bờ biển vịnh Thái Lan ở Xà Xía, Hà Tiên tỉnh Kiên Giang<sup>(1)</sup>.

---

Trần Thuận. Phó giáo sư tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Biên giới Việt Nam - Campuchia được hình thành trong các thế kỷ XVII - XVIII, dưới thời các chúa Nguyễn ở Đàng Trong (Cochinchine). Đến đầu thế kỷ XIX thời nhà Nguyễn, đường biên giới này đã được định hình khá rõ. Tuy chưa ổn định và chưa mang tính pháp lý, nhưng đó chính là cơ sở để chính quyền thực dân Pháp hoạch định đường biên giới giữa Việt Nam (thuộc Pháp) và Campuchia bằng những thỏa ước Pháp - Campuchia (năm 1870 và 1873). Đây là những cơ sở pháp lý khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ ngày nay.

## 1. NHÀ NGUYỄN KHẲNG ĐỊNH CHỦ QUYỀN TRÊN VÙNG ĐẤT NAM BỘ

Năm 1802, triều Nguyễn thành lập. Các vua Nguyễn đã hoàn thiện hệ thống hành chính và thống nhất quản lý trên quy mô cả nước. Trong suốt nửa đầu thế kỷ XIX, cùng với việc xây dựng nước Việt Nam hùng cường, nhà Nguyễn đã bảo vệ vững chắc chủ quyền trên vùng đất mà các chúa Nguyễn vừa thụ đắc bằng nhiều biện pháp khác nhau. Bên cạnh chính sách chính trị, quân sự, triều đình khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội, mở mang các dinh điền, đồn điền, xây dựng các công trình thủy lợi, phát triển giao thông thủy bộ. Năm 1817 vua Gia Long cho đào kinh Thoại Hà và sau đó, Minh Mạng cho đào kinh Vĩnh Tế nối Châu Đốc với Hà Tiên dài trên 70km. Có thể nói, việc đào các kinh Thoại Hà và Vĩnh Tế đã thể hiện rất cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia của các vua đầu triều Nguyễn, do đây là vùng đất Nam Bộ tiếp giáp với Chân Lạp (tức Cao Miên hay Campuchia ngày nay). Ngay từ năm 1816, tức là lúc chưa đào kinh Thoại Hà, vua Gia Long đã có ý tưởng đào kinh Vĩnh Tế. Vua nói với các thị thần rằng, “Xứ này nếu mở đàng lũy thông với Hà Tiên, thời nông thương đều lợi cả; ngày sau dân ở càng đông, đất mở càng rộng, sẽ thành một trấn to” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998 (d.), tr. 129). Tháng sáu năm đó, có sứ giả Chân Lạp sang châu, vua Gia Long đề cập ngay đến việc đào kinh, vua nói: “Ta sẽ đào sông Châu Đốc thông tới Hà Tiên, tuy là lợi cho nước

mây, nhưng cũng lợi chung cho mấy người đi cày và mấy người đi buôn nữa. Về nói vua mây phải hiểu ý ấy mới được” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998 (d.), tr. 133). Quan Trấn thủ Thoại Ngọc Hầu được triều đình giao cho việc chỉ huy đào kinh. Nhằm phủ dụ dân chúng, vua truyền lời dụ cho trấn Vĩnh Thanh (do Thoại Ngọc Hầu làm Trấn thủ) rằng: “Công trình đào sông ấy rất khó, việc Nhà nước và cách phòng giữ bờ cõi quan hệ rất lớn, chúng mây tuy là khó nhọc một lần, mà lợi ích cho muôn đời ngày sau; dân mây phải báo cáo cho nhau biết, chớ nên sợ nhọc” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998 (d.), tr. 140). Tháng 10 năm Minh Mạng thứ ba (1822), vua dụ rằng: “Đằng sông Vĩnh Tế<sup>(2)</sup> liền với Tân Cương, xe thuyền qua lại tiện lợi lắm. Đức Hoàng khảo thế tổ Cao Hoàng đế ta mưu sâu nghĩ xa, chú ý việc ngoài biên, vừa mới mở đào công việc chưa xong; nay ta theo chí Tiên hoàng, chỉ nghĩ cách khó nhọc một lần mà được thông thả lâu dài” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998 (d.), tr. 160).

Bấy giờ, biên giới phía Tây Nam giữa Việt Nam với Phiên quốc Cao Miên tình hình còn phức tạp. Cần phải có biện pháp để một mặt bảo vệ biên cương lãnh thổ trước sự tấn công từ bên ngoài (Xiêm và Cao Miên), mặt khác thu hút dân chúng đến sinh cơ lập nghiệp tạo thành phen giậu giữ nước, vừa tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp và buôn bán thông thương, thuận lợi. Có thể nói, vua Gia Long đã có tầm nhìn của một nhà chiến lược. Rõ ràng, việc đào kinh

Thoại Hà và Vĩnh Tế cùng lúc đạt được nhiều mục tiêu: chính trị - quân sự và kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, việc đào kinh Vĩnh Tế không những có lợi cho nước ta mà còn có lợi cho cả Chân Lạp. Chính quan Chiêu Thùy Chân Lạp đã xác nhận: “Nếu đào sông ấy thời ích lợi cho dân Chân Lạp lắm. Phiên vương cũng muốn mà không dám xin” (Nguyễn Thiệu Lâu, 1994, tr. 124). Nguyễn Văn Hầu trong sách *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang* (1999, tr. 190) đã viết: “Việc đào xong kinh Châu Đốc - Hà Tiên đã được thời nhân xem là một thành quả to tát. Dân chúng mừng vì lợi việc thông thương. Giới chức biên phòng nhẹ bớt gánh nặng nhờ có đường nước án ngữ. Riêng vua Minh Mạng thì lấy làm mãn nguyện vì nối được chí cha và đã đạt được một quốc sách. ‘Từ ấy đường sông lưu thông, từ kế hoạch trong nước, phòng giữ ngoài biên, cho tới dân buôn bán, đều được tiện lợi vô cùng’. Đó là lời nhận xét của *Đại Nam nhất thống chí*, ghi chép trước đây gần trăm năm”.

Bên cạnh việc quản lý đường biên, nhà Nguyễn còn có những biện pháp khác, như: ban ấn thông hành (vào tháng 8/1806) cho thuyền buôn Chân Lạp ra vào Nam Bộ, hay việc định mức thuế cho các nhà buôn nước ngoài tới buôn bán trên vùng đất này vào các thời điểm: tháng 8/1825, tháng 11/1834. Đặc biệt dưới thời Minh Mạng (1831 - 1832), triều đình Huế đã có cuộc cải cách hành chính,

phân chia lại địa giới hành chính. Nam Kỳ được chia làm 6 tỉnh: Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên, cất đặt các chức Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh, Án sát, Lãnh binh ở mỗi tỉnh để quản lý, giống như các địa phương khác trong cả nước. Tiếp đó, năm 1836, vua Minh Mạng cho đo đạc, vẽ bản đồ các tỉnh Nam Kỳ (vào tháng 3), thống kê lại toàn bộ số ruộng đất ở Nam Kỳ rồi cấp sổ địa bạ nhằm phục vụ cho việc thống nhất và tăng cường quản lý ở cấp toàn quốc đối với nông nghiệp.

Không chỉ khẳng định chủ quyền trên đất liền ở Nam Bộ, nhà Nguyễn còn xác lập chủ quyền đối với các đảo và quần đảo, như Hoàng Sa, Trường Sa, Phú Quốc và quần đảo Thổ Châu. Trong sách *Gia Định thành thông chí*, địa danh Phú Quốc và việc xác lập đơn vị hành chính ở Phú Quốc đã được nhắc lại ở 6 mục. Trịnh Hoài Đức (2004 (d.), tr. 100-101) miêu tả đảo Phú Quốc “Ở giữa biển, về phía tây nam của trấn, hành trình mất một ngày đêm mới đến. Trên đảo có những ngọn núi lớn, cao chát ngất, dãy núi đều chau về phía bắc, từ đông sang tây cách chừng 200 dặm(?), từ nam lên bắc cách 100 dặm(?)<sup>(3)</sup>. Đảo này không có cạp beo, chỉ nhiều heo rừng, trâu rừng, nai hươu, yến sào, mây to, gỗ tốt, đồi mồi, hải sâm, quế, mắm; đất đây thích hợp với lúa sớm, các thứ đậu, bắp và dưa quả, ít có nếp dẻo. ... Duy đảo ấy nằm riêng ra ngoài biển xa, nên phải phòng bị giặc biển Đồ Bà (Chà Và) thừa cơ cướp bóc, cho nên phải đặt quan thủ ngự,

dùng dân làm lính, cho đầy đủ khí giới để cùng nhau tự bảo vệ để giữ bờ cõi nơi đó”. Còn đảo Thổ Châu (Chu) “ở bờ biển phía đông của trấn thụ, chu vi hơn 100 dặm, làm cái án xa cho đạo Long Xuyên và Kiên Giang. Nơi đây cây cối xanh um, nham động u ảo, chim hải yến làm tổ trong đó và các loại đồi mồi, ba ba biển, hải sâm sinh sản ở dưới vực sâu của đảo; đảo có dân cư, họ đều theo nghề chài lưới” (Trịnh Hoài Đức, 2004 (d.), tr. 100-101).

Về việc xác lập đơn vị hành chính ở Phú Quốc, sách này cũng có viết: “12 thôn dưới đây nguyên thuộc đảo Phú Quốc, trước đó thuộc sự cai quản của đạo Long Xuyên. Tháng 11 niên hiệu Gia Long thứ 18 (1819) cho thuộc vào trấn thành Hà Tiên cho gần và tiện: Thôn An Hòa; Thôn Thới Thạnh; Thôn Vĩnh Thạnh; Thôn Phước Lộc; Thôn Phú Đông; Thôn Tân Quy; Thôn Cẩm Sơn; Thôn Mỹ Thạnh; Thôn Phước Sơn; Thôn Tiên Tình; Thôn Minh Hương.

Phố, sớ, điểm, thuộc của người Hoa: Phố Lớn Minh Bột (Minh Bột Đại Phố); Phố Mới Minh Bột (Minh Bột Tân Phố); Phố Minh Bột Kỳ Thọ (trước có tên là Cây Kè); Sớ Minh Bột Lư Khê (trước là xứ Rạch Vược); Điểm Minh Bột Thổ Khâu (trước là xóm Rễ)” (Trịnh Hoài Đức, 2004 (d.), tr. 175).

Dưới thời Minh Mạng, *Đại Nam nhất thống toàn đồ* đã được triều đình công bố (năm 1838), đây là một bản đồ có thể nói là hoàn chỉnh nhất đối với chủ quyền quốc gia Việt Nam ở thời bấy

giờ, trong đó đã có phần đất liền của vùng Nam Bộ, các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, Phú Quốc và quần đảo Thổ Châu.

Tất cả những điều kể trên chứng tỏ rằng các đảo này đã thuộc chủ quyền của Việt Nam từ trước khi Việt Nam là thuộc địa của Pháp.

Tháng 2/1859, sau những thất bại trên mặt trận Đà Nẵng, liên quân Pháp - Tây Ban Nha kéo vào tấn công Gia Định, mở màn cho việc xâm lược Nam Kỳ. Triều đình nhà Nguyễn đã tổ chức quân đội tiến hành cuộc chiến chống Pháp, bảo vệ đất nước. Nhân dân Nam Kỳ cũng hết lòng tham gia kháng chiến, kể cả khi triều Nguyễn tỏ ra bất lực, nhân dân vẫn tiếp tục cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Trong suốt thời gian Pháp xâm lược Nam Kỳ, phía chính quyền Cao Miên không có phản ứng gì.

Dù từ 1874, sau khi nhà Nguyễn ký Hiệp ước Giáp Tuất với thực dân Pháp, Nam Kỳ trở thành thuộc địa của Pháp, song người dân Nam Bộ không thừa nhận mình là thần dân của Hoàng đế Pháp – Napoléon đệ tam, mà vẫn luôn tự xưng mình là người Việt. Trong suốt thời kỳ Pháp cai trị, nhân dân Nam Kỳ cùng nhân dân cả nước vẫn không ngừng đấu tranh để giành lại chủ quyền cho dân tộc Việt Nam.

Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời với lãnh thổ bao gồm cả Nam Bộ. Sau 21 ngày hưởng độc lập, nhân dân Nam Bộ lại đứng lên

chống Pháp tái xâm lược, sau đó toàn quốc đều bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Thực hiện “chia để trị”, trong những năm 1946 - 1949, Pháp đã từng định tách Nam Bộ thành quốc gia riêng. Nhưng trước tinh thần kháng chiến của nhân dân Việt Nam, ngày 4/6/1949, Tổng thống Pháp Vincent Aurot đã phải ký Luật số 49 - 733 trả lại Nam Kỳ cho chính quyền Bảo Đại (một chính quyền người Việt do Pháp chọn). Trong luật này còn có chữ ký của Thủ tướng và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp. Điều này, một lần nữa nói lên sự công nhận của nước Pháp đối với chủ quyền của người Việt ở Nam Bộ.

## 2. CÁC THỎA ƯỚC KÝ KẾT GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA KHẲNG ĐỊNH VÙNG ĐẤT NAM BỘ THUỘC CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM

Những cuộc di dân của lưu dân Việt, rồi những thỏa thuận của các phe nhóm trong triều đình Oudong với các chúa Nguyễn, đã từng bước xác lập chủ quyền của Đại Việt trên vùng đất Nam Bộ. Cho tới nửa đầu thế kỷ XIX, về đại thể, toàn bộ vùng đất này đã thuộc về chính quyền nhà Nguyễn.

Có thể nói rằng, người Việt đã thể hiện chủ quyền trên vùng đất Nam Bộ từ ngay trong quá trình thụ đắc lãnh thổ thế kỷ thứ XVII, nhưng phải đến nửa đầu thế kỷ XIX, chủ quyền này mới chính thức được ghi nhận trong các văn bản hiệp ước quốc tế. Hiệp ước quốc tế đầu tiên được ký kết vào tháng 12/1845 là giữa ba nước An Nam (Việt Nam) Xiêm La (Thái Lan)

và Cao Miên (Campuchia), trong đó thừa nhận 6 tỉnh Nam Kỳ thuộc Việt Nam. Năm sau, 1846, triều đình nhà Nguyễn và Xiêm La tiếp tục ký một hiệp ước có nhắc lại điều đó. Đây là hiệp ước mà sau này Cao Miên cũng tham gia (Raoul Marc Jennar, 2001 (d.), tr. 89).

Sách *Đại Nam thực lục* đã ghi lại lần cam kết diễn ra vào cuối năm 1845 - đầu năm 1846 giữa một bên là Nặc Ông Đôn (vua Ang Duong của Cao Miên) và tướng Chát Tri (người Xiêm đại diện chính quyền Cao Miên) với một bên là Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn, đại diện cho triều đình Việt Nam như sau: “Quân ta vây bức thành Ô Đông [Oudong – TG], bọn giặc ở trong thành cũng cố giữ, cầm cự rất lâu. Chát Tri lại sai người hai ba lần đến xin hoãn việc quân. Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn cùng bàn tính, cho rằng,... đánh để lấy thành, không bằng đánh bằng cách thu phục lòng người, mà xong việc quân là để xong việc nước. Chi bằng tạm cho xin hòa, để có thể thư sức của quân dân,... Sau đó Chát Tri lại cho người đến xin ước hội. Đến giờ Tỵ ngày hôm ấy, Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn chỉnh đốn nghi vệ quân đội ra đi. Khi sắp đến hội quán (người Xiêm đã làm nhà lợp tranh trước ở giữa đường), đã thấy Chát Tri xuống voi, đi chân không, bỏ hết nhạc Man. Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn do cửa tả đi vào, làm lễ vái chào. Tri Phương, Doãn Uẩn lên ngòi trên nhà chính. Chát Tri ngồi ở bên hữu, tướng hiệu lớn nhỏ đều yên lặng nghiêm trang. Khi đã an tọa, Nguyễn

Tri Phương trước hết hỏi đến cái có từ trước đến giờ sao không có thư đến. Chắt Tri nói: “Vì ngôn ngữ bất đồng, văn tự không giống nhau, sợ người dịch làm sai sự thực, có khi đến hỏng việc, nên chưa dám viết thư”. Nhân đó lấy ra một tờ thư giấy đen chữ trắng trình lên, đại ý nói: đến đây chỉ vì xin cho gầy lại tình hiếu cũ, cho Nặc Ong Giun [Ông Đôn – TG] được làm bè tôi thờ hai nước, nhờ ngài đề đạt lên cho”... Nguyễn Tri Phương đáp rằng: “Đã biết tội lỗi phải dâng thư xin nhận tội, mới có thể đề đạt giúp được”,...

Ngày hôm sau, Giun cho người mang thư đến cửa quân xin nhận tội, quan đại thần ở quân thứ nhận cho...” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007(d.), tập 6, tr. 879).

Bàn về sự kiện trên đây, Lê Trung Dũng cho rằng, “Như vậy, 14 năm trước khi liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng tấn công xâm lược Nam Kỳ, một lần nữa, đại diện của triều đình Cao Miên cùng đại diện của Băng Cốc đã chính thức tuyên bố công nhận hiện trạng trong quan hệ giữa 3 nước (“xin cho gầy lại tình hiếu cũ, cho Nặc Ong Giun được làm bè tôi thờ hai nước”). Điều này, theo chúng tôi, cũng hoàn toàn đồng nghĩa với việc hai nước – Cao Miên và Xiêm La – chính thức công nhận chủ quyền của Việt Nam đối với Nam Kỳ, vùng đất mà trong hơn 2 thế kỷ qua đã được chính bản thân các thế hệ triều đình Cao Miên từng bước chuyển nhượng (một cách hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc

tế lúc đó) cho chính quyền các chúa Nguyễn” (Lê Trung Dũng, 2009, tr. 352).

Năm 1859, Pháp tấn công Gia Định rồi mở rộng đánh chiếm các tỉnh ở Nam Bộ. Một sự kiện đáng lưu ý xảy ra vào năm 1861, tức là khi mới chiếm được hai tỉnh Gia Định và Định Tường, quân Pháp đã cho người đi do thám tình hình các tỉnh miền Tây để chuẩn bị cho việc xâm lược toàn xứ Nam Kỳ. Trên cơ sở những thông tin có được, người Pháp đã vẽ ra một đường biên giới giữa Việt Nam và Cao Miên theo như họ nhận thức trên thực địa. Với bản đồ do người Pháp vẽ lúc ấy<sup>(4)</sup>, đường biên giới giữa hai nước Việt Nam - Cao Miên cơ bản như ngày nay, có nhiều chỗ ăn sâu vào lãnh thổ Campuchia hiện nay (theo hoạch định và cắm mốc của hai nhà nước Việt Nam và Campuchia).

Sau khi tổ chức cuộc chiến bảo vệ tổ quốc không thành công, nhà Nguyễn buộc phải ký các hiệp định nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông (1862) và ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (1874). Việc nhà Nguyễn là người đứng ra ký kết với Pháp các Hòa ước này một lần nữa cho thấy chủ quyền Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ ở thời điểm giữa thế kỷ XIX và người Pháp đã ghi nhận điều này.

Trong *Hiệp định Hòa bình và hữu nghị*, thường được gọi là Hòa ước Nhâm Tuất (5/6/1862), ngoài một số vấn đề liên quan tới việc tự do truyền đạo, mở cửa một số cảng và tiền đền bù chiến phí, điều 3 của Hòa ước quy

định rõ, toàn bộ 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường, cũng như đảo Côn Lôn được đặt hoàn toàn dưới quyền tôn chủ của Hoàng đế Pháp.

Trong *Hiệp định Liên minh và hòa bình*, thường gọi là *Hòa ước Giáp Tuất* (15/3/1874) có 22 điều khoản quy định sự lệ thuộc của triều đình nhà Nguyễn vào Pháp trong lĩnh vực đối ngoại và việc chuyển giao cho Pháp toàn bộ Nam Kỳ. Về vấn đề Nam Kỳ, Điều 5 của Hòa ước nêu rõ:

Đức Hoàng thượng Vua nước An Nam công nhận chủ quyền toàn vẹn của nước Pháp trên các vùng lãnh thổ do nước Pháp hiện đang chiếm giữ và bao gồm trong các ranh giới như sau:

Về phía Đông: vùng biển Trung Quốc và vương Quốc An Nam (tỉnh Bình Thuận); về phía Tây: vịnh Xiêm La; về phía Nam: vùng biển Trung Quốc; về phía Bắc: vương quốc Cam Bốt và vương quốc An Nam (tỉnh Bình Thuận)<sup>(5)</sup>.

Với Hòa ước Giáp Tuất, một lần nữa, Chính phủ Pháp đã thừa nhận một cách dứt khoát Nam Kỳ là của Việt Nam. Điều này đã được chính Bộ Ngoại giao Pháp xác nhận trong một bức thư gửi người đứng đầu nhà nước Campuchia vào năm 1949 là Sihanouk. Bức thư này cũng có ý nghĩa như bức thư trả lời thư cầu thân của vua Ang Duong gửi Hoàng đế Napoléon III từ năm 1856<sup>(6)</sup>.

Sau khi chiếm xong ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ của Việt Nam, thực dân Pháp tiếp tục áp đặt chế độ bảo hộ lên đất nước Campuchia thông qua việc ký

với triều đình Campuchia *Hiệp định Hữu nghị và thương mại* (11/8/1863). Trước tình hình này, Xiêm đã bí mật lôi kéo Campuchia ký với Xiêm một hiệp ước biến mình thành “một quốc gia chư hầu của Xiêm” (Điều 1). Những người tham gia ký Hiệp ước này gồm: một bên là Phya Rajawranukul – người được trao toàn quyền của vua Xiêm và bên kia là Phra Norodom Phrom Briraksa Maha Uperat – Phó vương Campuchia và ông Phra Harirat Danai Krai Keofa, cùng với một số quý tộc Campuchia khác. Trong phần mở đầu của Hiệp ước có đoạn viết: “Campuchia nằm giữa lãnh thổ Xiêm, Nam Kỳ và các vùng đất thuộc Pháp, do đó việc ký kết hiệp ước giải quyết những vấn đề cũ và mới dùng làm kim chỉ nam cho các nhà cai trị và các nhà quý tộc của Campuchia, hiện nay và trong tương lai, cũng như các nhà chính trị các bang khác nhau của Xiêm là phù hợp” (Nguyễn Sỹ Tuấn, 2008, tr. 358). Như vậy, với Hiệp ước này, Campuchia đã gián tiếp công nhận sự tồn tại của Nam Kỳ và vùng đất thuộc Pháp (vùng Nam Kỳ do Pháp chiếm) độc lập với Campuchia.

Sau khi lập ra Liên bang Đông Dương (1887), trên cơ sở nghiên cứu lịch sử thực thi chủ quyền trên vùng đất Nam Bộ, thực dân Pháp đã tiến hành hoạch định biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia theo luật của nước Pháp. Việc khảo sát, đo đạc trên thực địa được các chuyên gia Pháp và Campuchia tiến hành nghiêm túc. Quan trọng hơn nữa, năm 1889, giữa

Pháp và Campuchia đã ký một loạt các văn bản pháp lý về hoạch định, phân giới cắm mốc biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia. Tất cả các văn bản pháp lý này đều khẳng định vùng đất Nam Kỳ hoàn toàn thuộc về Việt Nam (Vũ Minh Giang, 2006, tr. 388).

Trước khi Chính phủ Pháp trao trả lại vùng đất Nam Bộ cho Việt Nam năm 1949, ngày 20/1/1948, Sihanouk gửi thư cho Cao ủy Cộng hòa Pháp để phản đối ý định của Pháp. Ngày 2/4/1949, Sihanouk gửi tiếp một bức thư cho Chủ tịch Liên hiệp Pháp nói rằng, “Việc từ bỏ (Nam Kỳ - TG) để dâng được chấp nhận cho Pháp và chỉ cho Pháp mà thôi, không thể đương nhiên chuyển quyền đó cho Việt Nam và coi như được chấp nhận cho Việt Nam” (Raoul Marc Jennar, 2001 (d.), tập 1, tr. 79).

Tuy nhiên, trong bức thư gửi Norodom Sihanouk ngày 8/6/1949, Chính phủ Pháp đã khẳng định: “Ngoài những lý do thực tiễn, *những lý do pháp lý và lịch sử* không cho phép Chính phủ Pháp từ tính các cuộc đàm phán song phương với Campuchia để sửa lại các đường biên giới của Nam Kỳ. Quốc vương hãn cũng biết rằng Nam Kỳ đã được An Nam nhượng cho Pháp theo các Hiệp ước năm 1862 và 1874...”. Chính phủ Pháp còn khẳng định dứt khoát rằng, “Chính từ triều đình Huế mà Pháp nhận được toàn bộ miền Nam Việt Nam. Những hoạt động quân sự được phê duyệt để tiến hành chống lại các quan lại An Nam chứ không phải chống lại các nhà chức

trách Khmer... Về pháp lý, Pháp có đủ cơ sở để thỏa thuận với Hoàng đế Bảo Đại việc sửa đổi quy chế chính trị của Nam Kỳ” (Raoul Marc Jennar, 2001 (d.), tập 1, tr. 84). Chính phủ Pháp còn lưu ý Campuchia “cần hết sức thận trọng” vì, “thực tế lịch sử ngược lại với luận thuyết [của Campuchia] cho rằng miền Tây Nam Kỳ vẫn còn phụ thuộc triều đình Khmer khi Pháp tới” và, “Hà Tiên đã được đặt dưới quyền tôn chủ của Hoàng đế An Nam từ năm 1715 và kênh nối Hà Tiên với Châu Đốc được đào theo lệnh của các quan An Nam từ thế kỷ trước khi chúng tôi đến” (Raoul Marc Jennar, 2001 (d.), tập 1, tr. 97).

Năm 1954, trong Hội nghị Genève, những người lãnh đạo Campuchia tiếp tục đặt lại vấn đề lãnh thổ Nam Kỳ và biên giới Campuchia - Việt Nam, nhưng không được cộng đồng quốc tế giải quyết, mặc dù phía Campuchia đã đưa ra sáu giải pháp khác nhau về vấn đề này (Raoul Marc Jennar, 2001 (d.), tập 1, tr. 100).

### 3. VIỆC HOẠCH ĐỊNH BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC

Trong thời kỳ Pháp thuộc, việc hoạch định biên giới giữa Việt Nam và Campuchia đã được xúc tiến nhiều lần. Qua các lần đó, hiện trạng biên giới giữa Campuchia với Nam Kỳ của Việt Nam hầu như không thay đổi. Hai thỏa ước cơ bản nhằm hoạch định biên giới giữa Việt Nam và Campuchia được ký kết vào năm 1870 và 1873.

*\* Về Thỏa ước Pháp - Campuchia năm 1870*

Theo các tác giả sách *Lịch sử biên giới trên đất liền giữa Việt Nam với các nước láng giềng* (Trương Như Vương, Hoàng Ngọc Sơn, Trịnh Xuân Hạnh, 2007) thì để chuẩn bị cho việc soạn thảo và ký kết thỏa ước, tháng 3/1870, một Ủy ban liên hợp Pháp - Campuchia đã được thành lập. Ủy ban này có nhiệm vụ nghiên cứu vạch ra một đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia. Trong tháng 3/1870, Ủy ban này đã tiến hành phân ranh trên thực địa và cắm được 19 mốc từ bờ sông Tonlé Tru (mốc No 1) đến Hưng Nguyên (mốc No 19). Do có sự khiếu nại của phía Campuchia nên khi ký Thỏa ước ngày 9/7/1870, Ủy ban chỉ xác nhận đoạn ranh giới từ bờ sông Tonlé Tru (vị trí mốc No 1) đến điểm rạch Tà Sang gặp rạch Cái Cậy (vị trí mốc No 16), hủy bỏ đoạn ranh giới từ mốc No 17 và mốc No 18 đến Hưng Nguyên, nhưng lại nhượng phần đất nằm giữa rạch Cái Cậy và rạch Cái Bác (tức rạch Beng Gô hay sông Vàm Cỏ) cho phía Campuchia (Nguyễn Sỹ Tuấn, 2008, tr. 350). Trong Quyết định số 166 do Chính phủ Pháp ban hành, có ghi rõ: “Sau khi xem xét dự án phân ranh được đệ trình nhân danh vua [Norodom của Campuchia] và dự án do một ủy ban của Pháp đệ trình, ủy ban quyết định: Đường biên giới [giữa Nam Kỳ thuộc Pháp và Campuchia] giữ nguyên như đã vạch, không thay đổi gì cả, từ cột số 1 (ở cửa sông Puach Prien) đến

cột số 16 (ở Tà Sang trên rạch Cái Cậy).

Vùng đất giữa rạch Cái Rạch và rạch Cái Cậy nằm trên lãnh thổ [Nam Kỳ thuộc] Pháp (có lợi tức hàng năm lên tới khoảng 1.000 phờrăng) sẽ được nhượng cho Campuchia để bù cho khoảng 486 căn nhà hợp thành các làng nằm phía Srok Tranh và Bang Chnum.

Các cột số 17, 18 và các cột kế tiếp sẽ bị nhổ bỏ cho đến Hưng Nguyên, Campuchia sẽ giữ tất cả phần đất hiện có người Campuchia ở trong các tỉnh Prewend, Boni Fuol, Sroc Thiệt.

Ranh giới sẽ được vạch sau và người ta sẽ giữ cho thuộc Pháp dải đất nằm dọc sông Vàm Cỏ do người Việt Nam ở hay khai khẩn” (dẫn theo Phan Văn Hoàng, 2009, tr. 377).

Quyết định này được trình lên vua Norodom và Chuẩn đô đốc De Cornulier – Lucinière, quyền Thống đốc kiêm tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam Kỳ, và được cả hai vị chấp thuận. Như vậy, bản thỏa ước này đã được cả hai bên (mà phía Campuchia là vua Norodom đại diện) đồng thuận, và nói rõ là “đường biên giới sẽ được vạch sau”. Đúng theo tinh thần Thỏa ước 1870, chính quyền thực dân đã tiến hành nghiên cứu để hoạch định biên giới giữa Hà Tiên và Campuchia. Bản hoạch định biên giới ký ngày 23/1/1872 và ngày 5/4/1876 đã xác định một cách cụ thể đoạn từ cột mốc No 124 đến bờ biển Hà Tiên: “Đường biên giới giữa Vương quốc Campuchia và Nam Kỳ thuộc Pháp

(quận Hà Tiên) xuất phát từ phía Đông đi theo kênh Vĩnh Tế đến nơi mà kênh này gặp rạch Giang Thành, cách Hà Tiên 2km, từ điểm này ranh giới được tạo thành do một lũy cũ của An Nam sau khi kéo dài 8.040m đến gặp vịnh Xiêm ở điểm tên Hòn Táo ở vĩ tuyến 10<sup>0</sup>23'15" Bắc" (Biên bản hoạch định đoạn biên giới Campuchia với quận Hà Tiên, ngày 23/1/1872) (Nguyễn Sỹ Tuấn, 2008, tr. 350-351).

*\* Về Thỏa ước Pháp - Campuchia năm 1873*

Sau khi ký Thỏa ước 1870 và Biên bản hoạch định biên giới 1872, ngày 15/7/1873, một Thỏa ước về việc xác định dứt điểm đường biên giới giữa Vương quốc Campuchia và xứ Nam Kỳ thuộc Pháp đã được ký kết giữa vua Norodom và Chuẩn đô đốc Marie – Jules Dupré, Thống đốc kiêm tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam Kỳ. Thỏa ước như sau:

“Mong muốn xác định biên giới giữa vương quốc Campuchia và Nam Kỳ thuộc Pháp một cách dứt khoát và với sự thỏa thuận chung, sau khi tiến hành nghiên cứu đất đai nhằm chấp thuận đường phân chia trên các dòng nước hay trên những vùng đất gò ghề khá vững chắc và rõ rệt để tránh mọi điều tranh chấp về sau, [hai vị trên] đã chấp thuận và ký bản Thỏa ước này gồm các điều khoản sau:

Biên giới giữa Nam Kỳ thuộc Pháp và Vương quốc Campuchia sẽ được đánh dấu bằng những cột trụ có ghi số và mang dòng chữ chỉ mục tiêu của nó. Có tất cả 124 cột trụ. [Cột trụ]

số 1 sẽ đặt ở đầu phía đông của biên giới và số thứ tự sẽ tăng dần một cách liên tục về phía tây cho đến cột trụ số 124 đặt cách kênh Vĩnh Tế và làng Hoa Thanh của người Việt Nam khoảng 1.200 mét về phía bắc.

Biên giới này sẽ đi qua các điểm chính sau đây:

Điểm xuất phát là cột trụ số 1 cắm trên bờ sông nhỏ Tonly-tru, chiều hướng tổng quát sau đó của biên giới là hướng tây nam và ngang qua các làng Srôc-Rum, Srôc-paplân, Srôc-ban-Chrung, Ring Khanôch, Srôc Cranh, Srôc Chung Ngon, Phum Ânđet, Srôc Cúc, Srôc-Cômpong méan-chay (hay bengo), dọc theo hữu ngạn của sông Cái Béc, ngược lên tả ngạn kênh Cái Cáy, đi qua Phum Cômpong Casang, Srôc ta meng, Srôc ta hong, Srôc Chec, Phum Bathu, Srôc May, Srôc Rach Chanh, Srôc Tanu, dọc theo bờ phía bắc kênh Chris-asey (tiếng Việt là Xung Nguyên), cắt con kênh này tại vàm Peam-adey (tiếng Việt là Tadu), dọc theo bờ bắc của rạch Banam, băng qua sông lớn [sông Tiền] ở tại Vinh Chương, đi qua Bacnam, cắt sông Hậu ở phía nam đảo Coki (tiếng Việt là cù lao Cái Sơn), ngang qua giao điểm của Prêc-croch với Prêc Slôt, theo một đường song song với kênh Vĩnh Tế, ở phía bắc đến làng Giang Thành và từ đó hướng thẳng đến Hà Tiên, bỏ rạch Prêc-cros ở phía đông” (Phan Văn Hoàng, 2009, tr. 377).

Theo Thỏa ước 1873, việc phân giới cắm mốc đã được thực hiện, nhưng

đến nay trên thực địa còn rất ít dấu tích. Tuy nhiên phần biên giới trên đã được chính quyền Pháp xác định trên 26 mảnh bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 do Sở Địa dư Liên bang Đông Dương xuất bản. Đường biên giới pháp lý giữa hai nước Việt Nam và Campuchia hiện nay, trên cơ sở kế tục đường biên giới do Pháp để lại sau khi chiến tranh Đông Dương kết thúc, cũng chính đường ranh giới (bản đồ Bonne) khá ổn định giữa các xứ Nam Kỳ, Trung Kỳ và Campuchia nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp thời kỳ đầu và giữa thế kỷ XX (1914 - 1945 và 1945 - 1954) (Quỳnh Như, 2011).

Việc vua Campuchia là Norodom hai lần chấp nhận đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia cho thấy chính phủ nước này mặc nhiên thừa nhận Nam Kỳ không phải là lãnh thổ của Campuchia. Tuy nhiên do có những phát sinh trong quá trình quản lý thực tế, nên về sau, đường biên giới giữa Việt Nam và Campuchia đã được sửa đổi, điều chỉnh (mặc dù đã được xác định là “dứt khoát” như trong Thỏa ước 1873) ở một số điểm theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương.

- Nghị định ngày 10/12/1898: sửa đổi một đoạn trên biên giới giữa tỉnh Tây Ninh và tỉnh Svey-riêng.

- Nghị định ngày 20/3/1899: điều chỉnh đoạn biên giới từ mốc No 41 đến mốc No 50 thuộc tỉnh Long An và Svey-riêng.

- Nghị định ngày 31/7/1914: có 4 điều, trong đó 3 điều liên quan đến sửa đổi

biên giới ở các đoạn: giữa tỉnh Hà Tiên và Campot; giữa tỉnh Tây Ninh và Prey Veng; giữa tỉnh Thủ Dầu Một và Kongpong Cham.

- Nghị định ngày 6/12/1935: thay đổi ranh giới các tỉnh Châu Đốc (Nam Kỳ) và Candal (Campuchia) giữa sông Mékong và sông Bassac.

- Nghị định ngày 11/12/1936: thay đổi ranh giới giữa các tỉnh Châu Đốc (Nam Kỳ) và Prey Veng (Campuchia) (Raoul Marc Jennar, 2001 (d.)).

Các Nghị định nói trên chỉ điều chỉnh một số chỗ có tính tiểu tiết, còn về đại thể, đường biên giới giữa Campuchia và Nam Kỳ của Việt Nam (thuộc Pháp) cơ bản như đã được hoạch định trong Thỏa ước 1873. Giá trị của Thỏa ước 1873 (được bổ sung bởi các Nghị định nói trên) tồn tại và được phát huy cho đến ngày nay, như là cơ sở pháp lý vững chắc cho việc hoạch định và cắm mốc biên giới giữa hai nước Việt Nam và Campuchia mà chính phủ hai nước đang triển khai thực hiện.

Ngày 9/3/1945, phát xít Nhật đảo chính, giành lấy Nam Kỳ từ tay thực dân Pháp. Một ngày trước khi đầu hàng đồng minh (14/8/1945), Nhật giao Nam Kỳ (từ thời điểm này được gọi là Nam Bộ) cho chính phủ Trần Trọng Kim<sup>(7)</sup> (Bách khoa toàn thư mở Wikipedia). Và chỉ 10 ngày sau, với sự thắng lợi Cách mạng tháng Tám ở Sài Gòn (25/8/1945), Nam Bộ được đặt dưới quyền quản lý của Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tháng 9/1945, Pháp tái chiếm Việt Nam. Nhân dân Nam Kỳ lại vùng lên chống Pháp. Bốn năm sau, “trong đêm 21/5/1949, Quốc hội Pháp biểu quyết giao lại cựu thuộc địa Nam Bộ cho Việt Nam” (dẫn theo Phan Văn Hoàng, 2009, tr. 378). Vậy là, sau hơn tám mươi năm chiếm cứ Nam Bộ, nay Pháp trao trả Nam Bộ lại cho Việt Nam. Việc này diễn ra gần 6 tháng trước khi chính phủ Pháp công nhận nền độc lập của vương quốc Campuchia (8/11/1949). Sự kiện này một lần nữa cho thấy, Nam Bộ không nằm trong lãnh thổ Campuchia (dẫn theo Phan Văn Hoàng, 2009, tr. 378).

#### THAY LỜI KẾT

Việc phân định ranh giới giữa các quốc gia là vấn đề hệ trọng, nó là cơ

sở để khẳng định và thực thi chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần đáng kể cho sự ổn định và phát triển của mỗi nước. Trên cơ sở xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn đối với vùng đất Nam Kỳ (tức Nam Bộ ngày nay), các vua Nguyễn đã tiến thêm một bước khẳng định chủ quyền quốc gia bằng việc phân định ranh giới và quản lý thực tế. Tuy ranh giới này chưa hoàn toàn ổn định nhưng đó là cơ sở để chính quyền thực dân Pháp xác lập về mặt pháp lý đường biên giới giữa hai nước Việt Nam - Campuchia. Điều này có ý nghĩa hết sức to lớn cho việc hoạch định phân giới cắm mốc giữa hai nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia ngày nay. □

#### CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Phần trên biển, tuy chưa được phân định thành đường biên cụ thể giữa hai quốc gia, nhưng đã được hai bên Việt Nam và Campuchia định nghĩa bằng một vùng nước lịch sử chung của hai nước theo chế độ nội thủy, nằm trong vịnh Thái Lan.

<sup>(2)</sup> Lúc này kinh chưa được ban tên Vĩnh Tế, có thể dịch giả *Quốc triều chánh biên toát yếu* không chú ý khi chép tên kinh.

<sup>(3)</sup> Có lẽ đã có sự nhầm lẫn khi khắc bản, vì thực tế đảo Phú Quốc nếu tính theo đường chim bay thì chiều nam bắc dài gấp hai lần chiều đông tây (theo chú giải và hiệu đính của Lý Việt Dũng và Huỳnh Văn Tới).

<sup>(4)</sup> Tám bản đồ này được nhà sử học người Pháp Phillipe Langlet và Quách Thị Tâm công bố vào năm 2001 trong *Atlas historique des six provinces du sud du Vietnam du milieu du XIX au debut du XX siècle*, Les Indes savants, Paris, 2001. (*Át-lát lịch sử Lục tỉnh Nam Kỳ từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX*).

<sup>(5)</sup> Trong Hòa ước này còn ghi rõ việc giải quyết các ngôi mộ của các dòng họ Việt đã sinh sống lâu đời tại đây: Mười một ngôi mộ của họ Phạm ở trong lãnh vực làng Tân Niên Đông và Tân Quan Đông (tỉnh Sài Gòn) và ba ngôi mộ của họ Hồ ở trong lãnh vực làng Linh Chung Tây và Tân Mai (tỉnh Biên Hòa), không được bóc mộ, đào xới, xâm phạm hay đập phá. Sẽ cấp một lô đất rộng 100 mẫu cho các ngôi mộ nhà họ Phạm và một lô tương đương như thế cho nhà họ Hồ. Hoa lợi thu được trên các lô đất này được dùng để gìn giữ và bảo toàn các ngôi mộ và chu cấp các gia đình lo việc trông nom các phần mộ. Các lô đất được miễn các thứ thuế và những người trong dòng họ Phạm, Hồ cũng sẽ được miễn

thuế thân, khởi thi hành quân dịch hay đi dân công. Trích dịch từ *Traité de Paix et d'amitié enclue à Saigon*, le 5 Juin 1862, entre la France et Espagne, d'une part, et le Royaume d'Annam, d'autre part, trong *Nouveau Recueil général de Traités et autres actes relatifs aux rapports de droit international*, 2<sup>ème</sup> serie, Gottinge, Librairie de Dieterich, 1887, tập XI, tr. 206 - 417.

<sup>(6)</sup> Năm 1856, vua Cao Miên là Ang Duong, trong một bức thư cầu thân gửi Hoàng đế Pháp Napoléon III, đã nêu một loạt tên những vùng đất ở Nam Bộ mà tựa hồ như Việt Nam đã dùng vũ lực chiếm đoạt của Campuchia. Nhưng người Pháp không thừa nhận những điều Ang Duong nêu trong thư.

<sup>(7)</sup> Theo Raoul Marc Jennar, thì cuộc thương thuyết với Toàn quyền Tsuchihashi về việc thu hồi Nam Kỳ đã có kết quả, mặc dù lúc đầu Tsuchihashi còn do dự vì triều đình Cao Miên cũng đòi đất Nam Kỳ. Thủ tướng Trần Trọng Kim phái Nguyễn Văn Sâm là khâm sai vào Sài Gòn tiếp thu. Đại sứ Yokoyama ở Huế theo đó tuyên bố trao trả Nam Kỳ cho triều đình Huế. Ở ngoài Bắc, Thống sứ Nishimura bàn giao với khâm sai Phan Kế Toại tại Hà Nội ngày 12 tháng 8, trong khi đó Thống đốc Minoda ở Sài Gòn đang đợi khâm sai Nguyễn Văn Sâm nhưng vị khâm sai mãi đến ngày 19 mới đến nơi. Ngày 14 tháng 8, chính phủ Trần Trọng Kim công bố chính thức tiếp thu Nam Kỳ.

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*.
2. Lê Trung Dũng. 2009. *Vài nét về vấn đề chủ quyền đối với vùng đất Nam Bộ vào những thập niên giữa thế kỷ XIX*. In trong *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ đến cuối thế kỷ XIX*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
3. Nguyễn Sỹ Tuấn. 2008. *Các hiệp định biên giới Việt Nam - Campuchia thời Pháp thuộc và vấn đề cơ sở chính trị - pháp lý của đường biên giới Việt Nam - Campuchia*. In trong *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ thời kỳ cận đại*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Cần Thơ.
4. Nguyễn Thiệu Lâu. 1958. *Quốc sử tạp lục*. Sài Gòn: Nxb. Sài Gòn.
5. Nguyễn Văn Hầu. 1999. *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang*. TP HCM: Nxb. Trẻ.
6. *Nouveau Recueil general de Traités et autres actes relatifs aux rapports de droit international*. 1887, 2<sup>ème</sup> serie, Gottinge, Librairie De Dieterich. Trích dịch từ *Traite de paix et d'amitié enclue a Saigon*, le 5 juin 1862, entre la France et Espagne, d'une part, et le royaume d'Annam, d'autre part. <https://books.google.com/books?id=vxj1jwmyw0ec&pg=pa118&lpg=pa118&dq=nouveau+recueil+general+de+traites+et+autres+actes+relatifs+aux+rapports+de+droit+international&source=bl&ots=owb0cf8umu&sig=eb0bcitcyndmikhzd7scxgctwse>.
7. Phan Văn Hoàng. 2009. *Vấn đề chủ quyền của Việt Nam đối với Nam Bộ nhìn từ góc độ lịch sử và luật pháp quốc tế*. In trong Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ đến cuối thế kỷ XIX*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1998 (d.). *Quốc triều chính biên toát yếu*. Cao Xuân Dục (biên soạn). Huế: Nxb. Thuận Hóa.

9. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Đại Nam thực lục*, tập 6 - bản dịch của Tổ phiên dịch Viện Sử học. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
10. Quỳnh Như (tổng hợp). 2011. *Lịch sử hình thành đường biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia*. Báo Bình Phước Online đăng lại vào Thứ hai, ngày 22/2/2016.
11. Raoul Marc Jennar. 2001(d.) *Các đường biên giới của nước Campuchia cận đại*, tập 1, 2. Ban Biên giới Bộ Ngoại giao dịch từ bản năm 1998. *Les Frontières du Cambodge contemporain*. INALCO, Paris.
12. Trịnh Hoài Đức (Lý Việt Dũng biên dịch và chú giải, Huỳnh Văn Tới hiệu đính, giới thiệu). 2004. *Gia Định thành thông chí*. Đồng Nai: Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.
13. Trương Như Vương, Hoàng Ngọc Sơn, Trịnh Xuân Hạnh. 2007. *Lịch sử biên giới trên đất liền giữa Việt Nam với các nước láng giềng*. Hà Nội: Nxb. Công an Nhân dân.
14. Vũ Minh Giang. 2006. *Chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam trên đất Nam Bộ*, In trong Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn. *Một chặng đường nghiên cứu lịch sử (2001 - 2006)*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.